TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRI TÔN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **34**/2025/HS-ST
Ngày 30 tháng 6 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN, AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hoàng Huy Hùng;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Chau Khon Sốc; bà Trần Thị Ngọc Phượng.

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Chau Chanh Đô Ra - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn tham gia phiên tòa: Bà Néang Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 26/2025/TLST-HS ngày 06 tháng 6 năm 2025, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2025/QĐXXST- HS ngày 10 tháng 6 năm 2025, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thanh N sinh ngày 29/5/1964, tại huyện C, tỉnh An Giang; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo hòa hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh D (đã chết) và bà Nguyễn Thị Ư (đã chết); vợ Đinh Thị Q (chết – bị hại); có 02 con: Lớn sinh năm 1988 và nhỏ sinh năm 1989; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo Nguyễn Thanh N bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi trú từ ngày 23/02/2025 cho đến nay. (có mặt)

2. Trần Văn Nguyên sinh ngày 01/01/1979, tại huyện T, tỉnh An Giang; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Ấp T, xã V, huyện T, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Hóa 1 (đã chết) và bà Trần Thị T (đã chết); vợ Huỳnh Thị C; có 02 con: Lớn sinh năm 2000 và nhỏ sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo Trần Văn N1 bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi trú từ ngày 23/02/2025 cho đến nay. (có mặt)

3. Huỳnh Văn N2 sinh ngày 01/01/1987, tại huyện C, tỉnh Đồng Tháp; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Ấp T, xã V, huyện T, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 2/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn R và bà Trần Thị Mỹ L; vợ Trần

Thị L1; có 01 con sinh năm 2025; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo Huỳnh Văn N2 bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi trú từ ngày 23/02/2025 cho đến nay. (có mặt)

4. Lê Văn D1 sinh ngày 26/01/2002, tại huyện H, tỉnh Kiên Giang; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Ấp H, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T1 và bà Lê Thị T2; vợ con: Chưa; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo Lê Văn D1 bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi trú từ ngày 23/02/2025 cho đến nay. (có mặt)

Người bị hại: Đinh Thị Q (đã chết);

Đại diện hợp pháp cho bị hại (con ruột): Nguyễn Thị Thu T3 sinh ngày 10/8/1989; nơi đăng ký thường trú: Tổ B, khóm Đ, thị trấn H, huyện H, tỉnh Kiên Giang. (có mặt)

Người làm chứng: Lâm Vũ L2, Huỳnh Kim P, Huỳnh Văn H, Trần Minh C1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 08 giờ 40 phút, ngày 22/01/2024, Nguyễn Thanh N điều khiển xe mô tô biển số 67D1 - 862.56 chở Đinh Thị Q (vợ của N) ngồi sau, lưu thông tuyến đường tỉnh 941 hướng từ huyện T - huyện C, tỉnh An Giang. Khi chạy đến đoạn đường thuộc ấp T, xã T, huyện T, N thiếu chú ý quan sát, không làm chủ tay lái, bất ngờ phát hiện phía trước cách khoảng 12m, có Trần Văn N1, Huỳnh Văn N2 và Lê Văn D1 đang di chuyển thanh sắt chữ V (dài 10,7 m, mỗi cạnh rộng 0,11 m) ngang đường, đầu thanh sắt chữ V cách mép đường bên trái hướng T - C 1,8 m, không đặt biển báo nguy hiểm theo quy định, mọi người dùng tay ra tín hiệu và truy hô lên, do khoảng cách gần, N điều khiển xe mô tô cán qua thanh sắt làm N, Q và xe mô tô ngã xuống đường. Hậu quả, Q chết tại hiện trường, riêng N bị thương nhẹ. Đến ngày 23/02/2025, N, N1, N2 và D1 bị khởi tố, áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

* *Vật chứng thu giữ*: 01 xe mô tô 67D1-826.56, hiệu honda, loại Future Fi màu xanh bạc (đã qua sử dụng); giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô 67D1-826.56, 01 giấy phép lái xe hạng A1 tên Nguyễn Thanh N; 01 đôi dép màu cam và 01 đôi dép màu vàng.

* *Căn cứ Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 16/24/KLGĐTT-TTPY ngày 23/01/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh A, kết luận:* Đinh Thị Q chết do chấn thương sọ não nặng, vỡ sụp sọ phức tạp, dập phòi mô não.

* *Căn cứ biên bản khám nghiệm hiện trường, do Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T lập ngày 22/01/2024, ghi nhận*: Hiện trường xảy ra tai nạn là đường hai chiều, có vạch kẻ đường đứt nét màu vàng ở giữa, chiều rộng mặt đường 7,4 m. Chọn mép đường chuẩn bên phải hướng T - C (theo chiều xe chạy

của bị can N). T4 sắt chữ V (dài 10,7m, mỗi cạnh rộng 0,11m) nằm ngang đường, đầu thanh sắt cách mép đường bên trái 1,8m; vị trí va chạm trên thanh sắt cách mép chuẩn 3,44m. Các vết cày, vết máu, xe mô tô 67D1-826.56 đều nằm trên phần đường bên phải.

** Căn cứ biên bản khám phương tiện (xe mô tô 67D1-826.56), do Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T lập ngày 05/02/2024, ghi nhận*: Niềng bánh trước có vết nứt vỡ kích thước (01 x 01) cm; lốp bánh xe trước bị vỡ thủng kích thước (05 x 0,2) cm, săm bị mất hơi; nhiều bộ phận phía bên phải xe bị vỡ, cong, có dấu vết ma sát.

Tại bản Cáo trạng số: 27/CT-VKSTT ngày 03/6/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang đã truy tố bị cáo Nguyễn Thanh N về tội *"Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ"* theo quy định tại khoản 1 Điều 260 và các bị cáo Trần Văn N1, Huỳnh Văn N2, Lê Văn D1 về tội "*Cản trở giao thông đường bộ*" theo quy định tại khoản 1 Điều 261 Bộ luật Hình sự (đã được sửa đổi, bổ sung 2017).

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Thanh N, Trần Văn N1, Huỳnh Văn N2, Lê Văn D1 thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như vụ án đã nêu.

Người đại diện hợp pháp của bị hại Đinh Thị Q là Nguyễn Thị Thu T3 khai: T3 là con ruột của bà Đinh Thị Q. Gia đình đã nhận bồi thường từ Trần Văn N1, Huỳnh Văn N2, Lê Văn D1 số tiền 20.000.000 đồng tiền hỗ trợ, bồi thường thiệt hại và làm tờ bãi nại, không yêu cầu xử lý hình sự đối với các bị cáo; đồng thời, không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Người làm chứng Lâm Vũ L2, Huỳnh Kim P khai: Khoảng 8 giờ 40 sáng ngày 22/01/2024 có mặt tại đoạn đường nối cầu vượt thuộc ấp T, xã T, huyện T, An Giang thấy mấy người khiêng đoạn sắt hình chữ V ngang đường không để biển báo; Lâm Vũ L2 chạy đến cách khoảng 10m thì mọi người quơ tay la lên thì phát hiện có thanh sắt nằm ngang đường nên đã dừng lại. Tiếp đó, thấy người đàn ông chở theo người phụ nữ chạy tới nhưng không giảm tốc độ, mọi người ra đường quơ tay và la lớn nhưng chiếc xe vẫn không dừng, chạy cán qua thanh sắt ngã xuống làm cho người phụ nữ ngồi sau xe tử vong.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn thực hành quyền công tố Nhà nước tại phiên tòa phát biểu lời luận tội đối với bị cáo và giữ nguyên truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất của vụ án, hành vi phạm tội của các bị cáo, xem xét các tình tiết giảm nhẹ hình phạt, nhân thân bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 260, khoản 1 Điều 261; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017), đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh N mức án từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù; xử phạt bị cáo Trần Văn N1, Huỳnh Văn N2, Lê Văn D1 mức án từ 09 tháng đến 01 năm tù; đề nghị cho các bị cáo được hưởng án treo. Về trách xử lý vật chứng: Đề nghị trả lại cho bị cáo Nguyễn Thanh N 01 xe

mô tô 67D1-826.56, hiệu Honda, loại Future Fi màu xanh bạc (đã qua sử dụng); giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô 67D1-826.56, 01 giấy phép lái xe hạng A1 tên Nguyễn Thanh N; tịch thu tiêu hủy 01 đôi dép màu cam và 01 đôi dép màu vàng do chủ sở hữu không nhận lại, đồng thời không còn giá trị sử dụng; về trách nhiệm dân sự: Các bên đã thỏa thuận thương lượng bồi thường xong nên không đề cập xem xét. Buộc các bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Các bị cáo Nguyễn Thanh N, Trần Văn N1, Huỳnh Văn N2, Lê Văn D1 không bào chữa và tranh luận gì. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng, tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

1. 1. Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại; người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

1. 2. Tại phiên tòa, có người làm chứng mặc dù Tòa án đã tống đạt giấy triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Xét thấy, sự vắng mặt của họ không gây trở ngại gì đến việc xét xử của vụ án, căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Thanh N, Trần Văn N1, Huỳnh Văn N2, Lê Văn D1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng nêu trên. Lời khai nhận tội của các bị cáo là phù hợp với lời khai của người đại diện hợp pháp của bị hại, người làm chứng về thời gian, địa điểm và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết luận: Trần Văn N1, Huỳnh Văn N2, Lê Văn D1 trong lúc khiêng những thanh sắt hình chữ V gây cản trở giao thông trên mặt đường xe lưu thông qua lại nhưng không đặt biển cảnh báo cho các phương tiện giao thông; Nguyễn Thanh N điều khiển xe mô tô biển số 67D1-826.56, chở theo vợ là bà Đinh Thị Q chạy đến nơi N1, N2, D1 tập kết và khiêng các thanh sắt băng qua đường và nơi đoạn đường giao nhau, không giảm tốc độ, không chú ý quan sát mặt đường nên đã cán qua thanh sắt, ngã xe gây tai nạn làm cho bà Đinh Thị Q tử vong.

Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Thanh N đã vi phạm khoản 4 Điều 11 của Luật Giao thông đường bộ về tốc độ và nhường đường; điểm 3, điểm 6 Điều

5 Thông tư số 91/2015/TT-BGTVT ngày 31/12/2015 của Bộ G quy định về các trường hợp phải giảm tốc độ: Người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ phải giảm tốc độ thấp hơn tốc độ tối đa cho phép (có thể dừng lại một cách an toàn), trong các trường hợp nơi đường giao nhau và đường vòng; có người đi bộ, xe lăn người khuyết tật đi ngang đường; đối với hành vi của Trần Văn N1, Huỳnh Văn N2, Lê Văn D1 đã vi phạm khoản 2 Điều 8 Luật Giao thông đường bộ là đã đặt thanh sắt gây cản trở giao thông trên mặt đường bộ nhưng không sử dụng biển cảnh báo nguy hiểm. Như vậy, hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Thanh N đã phạm tội *"Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ"* quy định tại khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự 2015 (có khung hình phạt là phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm - tội phạm nghiêm trọng) và Trần Văn N1, Huỳnh Văn N2, Lê Văn D1 phạm đã phạm tội *"Cản trở giao thông đường bộ"* tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 261 Bộ luật Hình sự năm 2015 (có khung hình phạt là phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm – tội phạm ít nghiêm trọng).

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến an toàn công cộng, sự hoạt động bình thường của các phương tiện giao thông đường bộ, tính mạng của con người, tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương, làm quần chúng nhân dân bất bình và lo lắng mỗi khi tham gia giao thông. Vì vậy, cần phải xét xử thật nghiêm minh mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Trong vụ án này, người bị hại không có lỗi. Để xảy ra hậu quả như đã nêu trên là do lỗi vô ý vì cẩu thả mà các bị cáo đã gây ra; trong đó: Bị cáo Nguyễn Thanh N đã không chú ý quan sát mặt đường, không giảm tốc độ khi phát hiện đoạn đường có người đi bộ trên đường nên đã điều khiển xe cán qua thanh sắt ngã xe gây thiệt hại về người làm cho bà Đinh Thị Q tử vong; đối với các bị cáo Trần Văn N1, Huỳnh Văn N2, Lê Văn D1 cũng là lỗi vô ý do cẩu thả, không lường trước được hậu quả xảy ra, trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội không có sự tổ chức, bàn bạc cụ thể trước nên đều có trách nhiệm như nhau. Do đó, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội mà mình đã gây ra.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên toà các bị cáo đã thành khẩn khai báo và thực sự ăn năn hối cải; sau khi phạm tội các bị cáo đã tích cực hỗ trợ, bồi thường cho gia đình người bị hại;

ngoài ra, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện gia đình bị hại có đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, các bị cáo đều là lao động nghèo có trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật hạn chế; Đây là các tình tiết để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; riêng các bị cáo N1, N2, D1 phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét thấy, các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, trong thời gian tại ngoại ở địa phương không vi phạm pháp luật, có khả năng tự cải tạo nên không cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội bằng việc bắt chấp hành hình phạt tù và việc cho các bị cáo cải tạo tại địa phương không nguy hiểm cho xã hội, không gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự an toàn xã hội và cũng đủ tính răn đe, giáo dục đối với các bị cáo, đồng thời thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 260 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì người phạm tội còn có thể bị cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 đến 05 năm. Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo Nguyễn Thanh N không kinh doanh, không nghề nghiệp ổn định; do đó, không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng: Đối với 01 xe mô tô 67D1-826.56 và giấy chứng nhận đăng ký xe, 01 giấy phép lái xe hạng A1 tên Nguyễn Thanh N; đây là tài sản và giấy tờ tùy thân của chủ sở hữu nên cần xem xét trả lại; đối với 02 đôi dép thu tại hiện trường của bị hại và Nguyễn Thanh N không liên quan vụ án nhưng chủ sở hữu không yêu cầu nhận lại, không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, đại diện bị hại đã nhận tiền bồi thường của các bị cáo, không yêu cầu bồi thường bổ sung nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[8] Về các vấn đề khác: Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với những nhận định trên nên được chấp nhận toàn bộ; các bị cáo Nguyễn Thanh N, Trần Văn N1, Huỳnh Văn N2, Lê Văn D1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thanh N phạm tội "*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*" và các bị cáo Trần Văn N1, Huỳnh Văn N2, Lê Văn D1 phạm tội *"Cản trở giao thông đường bộ";*

Căn cứ khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh N 01 (một) năm tù cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 02 (hai) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Nguyễn Thanh N cho Ủy

ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh An Giang (xã B, tỉnh An Giang mới) giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Căn cứ khoản 1 Điều 261; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017):

- Xử phạt bị cáo Trần Văn N1 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Trần Văn N1 cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh An Giang (xã Ó, tỉnh An Giang mới) giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

- Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn N2 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Huỳnh Văn N2 cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh An Giang (xã Ó, tỉnh An Giang mới) giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

- Xử phạt bị cáo Lê Văn D1 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Lê Văn D1 cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang (xã M, tỉnh An Giang mới) giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

(*Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án Hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo*).

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Trả lại cho Nguyễn Thanh N 01 xe mô tô 67D1-826.56, hiệu Honda, loại Future Fi màu xanh bạc (đã qua sử dụng); 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô 67D1-826.56; 01 giấy phép lái xe hạng A1 tên Nguyễn Thanh N; tịch thu tiêu hủy: 01 đôi dép màu cam và 01 đôi dép màu vàng (đặc điểm tang vật theo biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng của chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn ngày 03/6/2025).

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Nguyễn Thanh N, Trần Văn N1, Huỳnh Văn N2, Lê Văn D1 mỗi người phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo, người đại diện hợp pháp của người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp An Giang;
- VKSND huyện Tri Tôn;
- CQĐT Công an tỉnh An Giang;
- Cơ quan THA hình sự khu vực Tri Tôn;
- Chi cục THADS huyện Tri Tôn;
- Bị cáo, bị hại (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Hoàng Huy Hùng